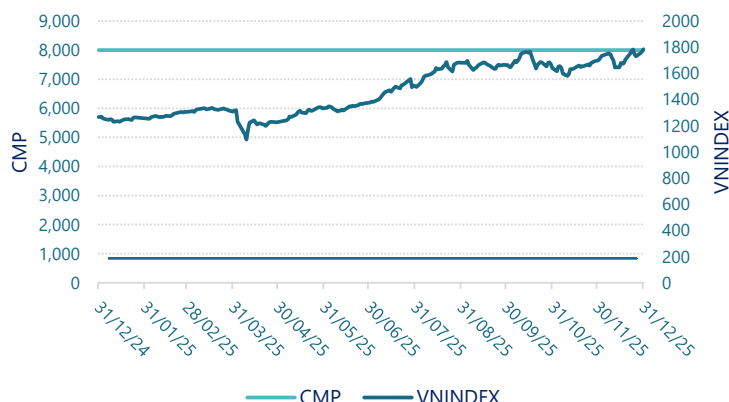


CTCP Cảng Chân Mây (UPCOM: CMP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
SL cổ phiếu LH	32,405,415
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	259
P/E	26.5
EPS	302

DT thuần

Q4/25

72.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.80 | 10.3%

YoY: ▼ 19.6 | -21.2%

LN sau thuế

Q4/25

6.44

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.08 | 91.5%

YoY: ▼ 4.16 | -39.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

13.4%

+/- YoY: ▲ 2.3%

DT thuần

2025

327

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 56.0 | -14.8%

LN sau thuế

2025

25.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 0.50 | -1.9%

ROE

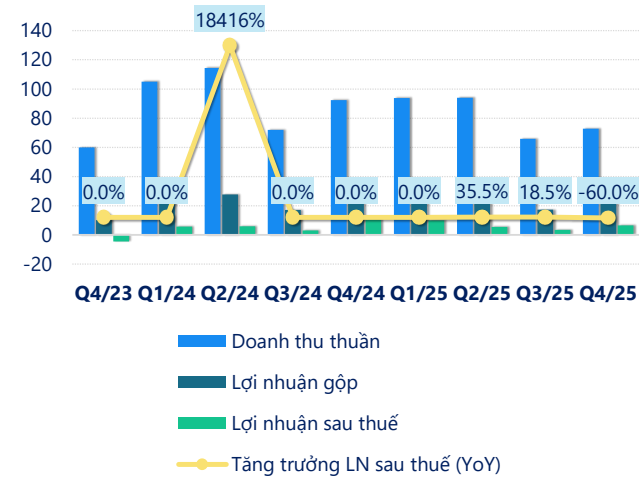
2025

2.7%

+/- YoY: ▼ 4.7%

tỷ VNĐ

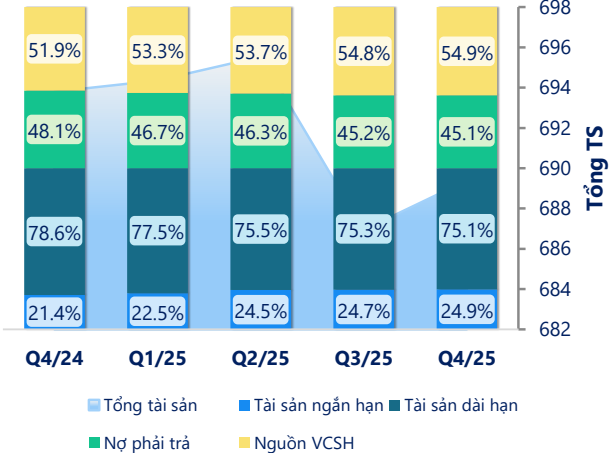
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

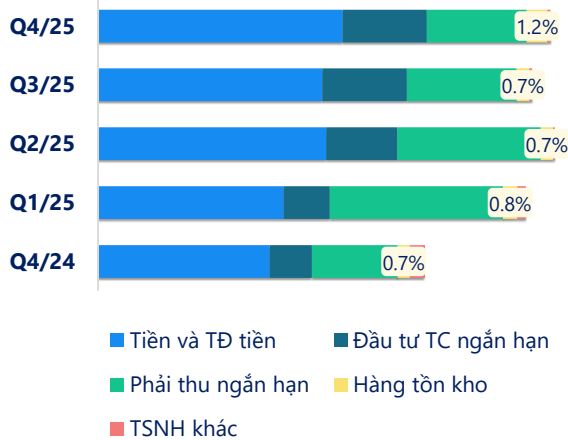
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



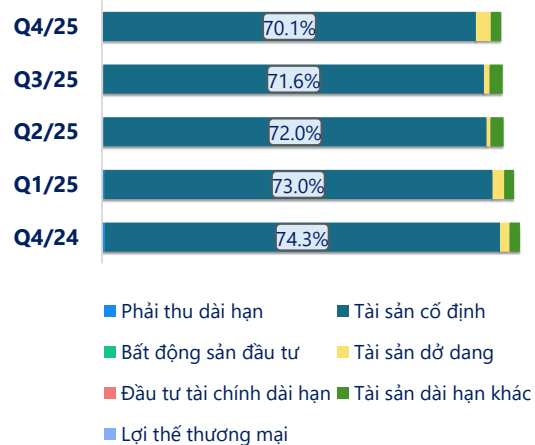
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

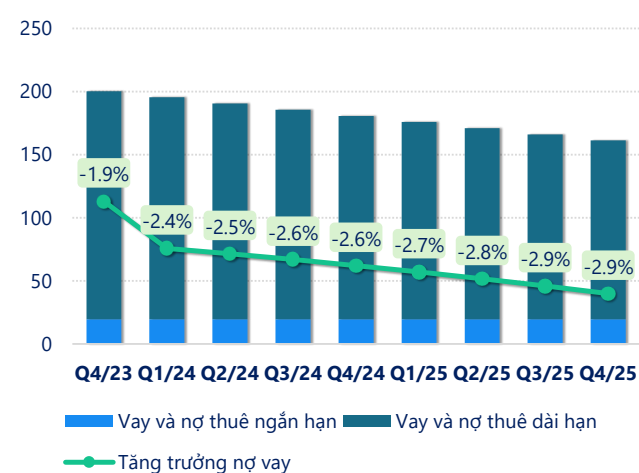
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

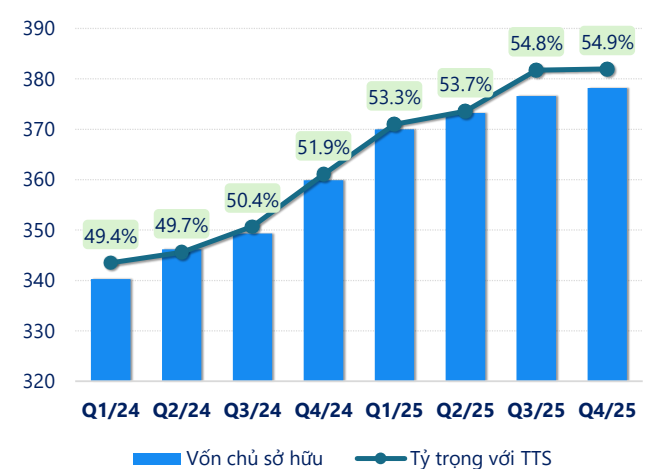
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

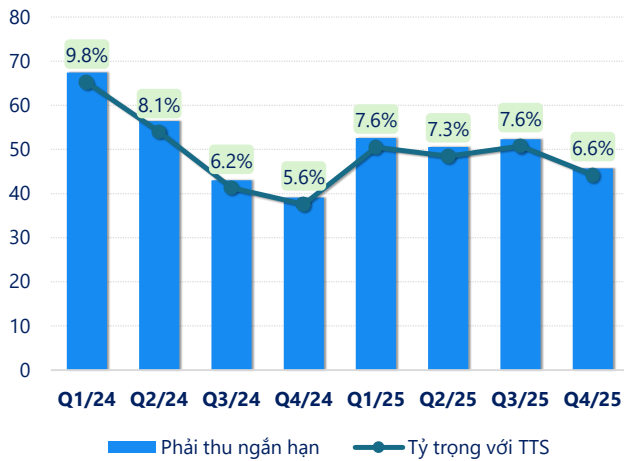
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



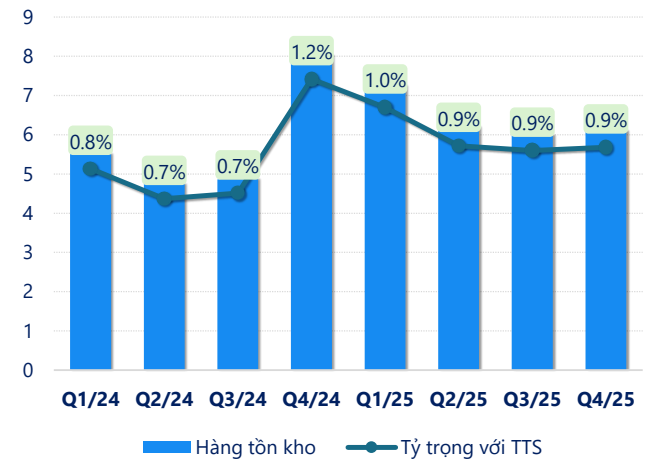
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


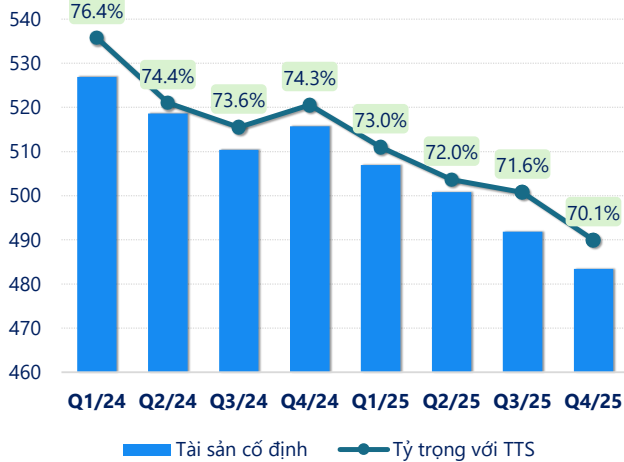
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


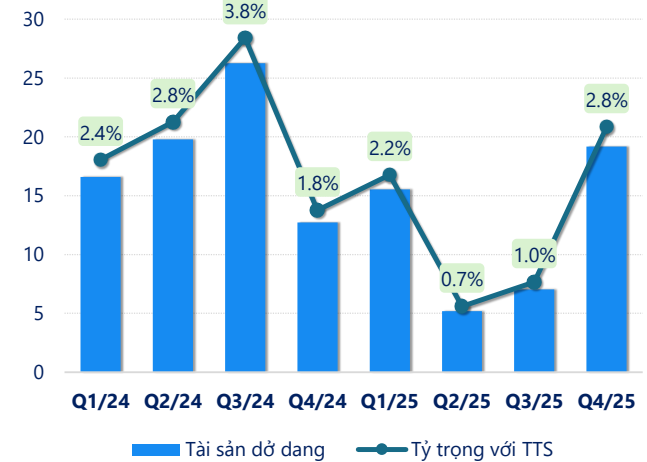
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

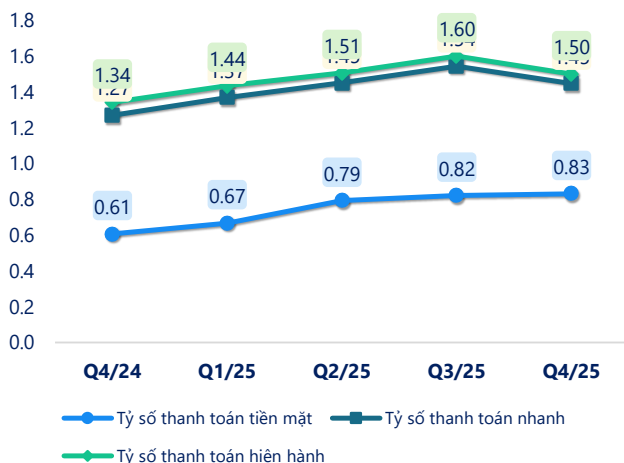
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

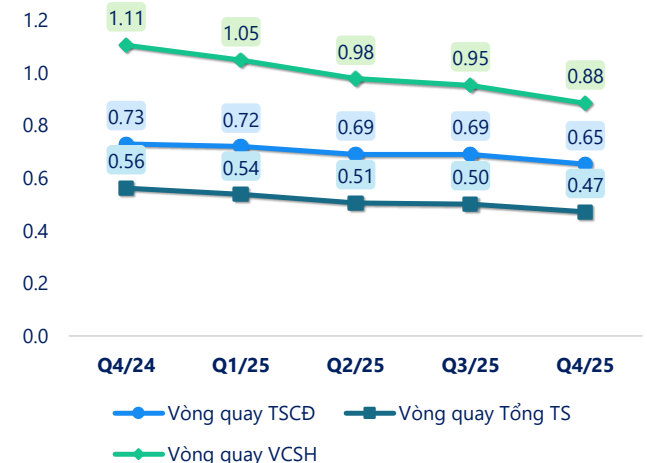
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	694	694	696	687	689
Tài sản ngắn hạn	149	156	170	169	172
Tiền và tương đương tiền	67.2	72.7	89.5	86.9	95.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	33.0	23.0	23.0	23.0	23.0
Phải thu ngắn hạn	39.1	52.6	50.6	52.3	45.7
Hàng tồn kho	8.01	7.23	6.19	5.98	6.09
Tài sản ngắn hạn khác	1.28	0.77	0.91	1.16	1.82
Tài sản dài hạn	545	538	525	518	518
Phải thu dài hạn	3.54	2.91	2.28	1.76	1.37
Tài sản cố định	516	507	501	492	483
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	12.7	15.5	5.19	7.03	19.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	13.2	12.7	17.1	16.9	13.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	334	324	322	310	311
Nợ ngắn hạn	111	109	113	106	114
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.5	19.5	19.5	19.5	19.5
Phải trả người bán ngắn hạn	7.96	11.5	8.31	8.57	10.8
Nợ dài hạn	223	216	209	205	197
Vay và nợ thuê dài hạn	161	156	151	147	142
Nguồn vốn chủ sở hữu	360	370	373	377	378
Vốn chủ sở hữu	360	370	373	377	378
Vốn điều lệ	324	324	324	324	324
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)